TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Minh Tiến.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1982 (Có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2018 và tại phiên tòa, anh Huỳnh Văn P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 20 tháng 8 năm 2004. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do giữa vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra tranh cải và vợ chồng không còn sống chung. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị P. Về con chung, có một người tên là Huỳnh Huế T (giới tính nữ), sinh ngày 27 tháng 8 năm 2004, hiện anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị Nguyễn Thị P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 10 năm 2018, bị đơn chị Nguyễn Thị P cho rằng: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như anh Huỳnh Văn P đã khai. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn với anh Huỳnh Văn P. Con chung, đúng như anh Huỳnh Văn P đã trình bày, chị chấp nhận giao Huỳnh Huế T cho anh Huỳnh Văn P tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận việc thuận tình ly hôn, sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, buộc anh Huỳnh Văn P phải chịu theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc anh Huỳnh Văn P xin ly hôn chị Nguyễn Thị P là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, chị Nguyễn Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị P là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 20 tháng 8 năm 2004, nên hôn nhân giữa anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P đều thừa nhận giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra tranh cải và vợ chồng đã không còn sống chung. Chính vì hạnh phúc hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh Huỳnh Văn P yêu cầu ly hôn và được chị Nguyễn Thị P đồng ý. Xét thấy, hôn nhân của anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P đã thật sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng con chung. Từ đó, công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[3] Về con chung, có một người tên là Huỳnh Huế T (giới tính nữ), sinh ngày 27 tháng 8 năm 2004. Anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P thống nhất thỏa thuận giao con chung cho anh Huỳnh Văn P tiếp tục nuôi và chị Nguyễn Thị P không cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đúng theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó, công nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P là có căn cứ.

[4] Anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P xác định là tài sản chung và nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Huỳnh Văn P chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Văn P và chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Anh Huỳnh Văn P chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Huỳnh Huế T (giới tính nữ), sinh ngày 27 tháng 8 năm 2004. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Văn P không yêu cầu chị Nguyễn Thị P cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Huỳnh Văn P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007316, ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Huỳnh Văn P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Huỳnh Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương